Họ và tên : Hoàng Công Duy Hy

Lớp sinh hoạt : 17CNTT2

Học phần : Trí Tuệ Nhân Tạo

**Classification: Khái niệm cơ bản & Kĩ thuật**

Chương này giới thiệu các khái niệm cơ bản về Classification và mô tả một số vấn đề chính của nó như mô hình Overfitting( *mô hình tìm được quá khớp với dữ liệu training*), mô hình chọn và mô hình đánh giá. Trong khi các chủ đề này được minh họa bằng cách sử dụng một kỹ thuật phân loại được gọi là cảm ứng cây quyết định, hầu hết các cuộc thảo luận trong chương này là cũng áp dụng cho các kỹ thuật phân loại khác, nhiều trong số đó được đề cập trong Chương 4.

**3.1 Các khái niệm cơ bản :**

Hình 3.2 minh họa ý tưởng chung phía sau việc sử dụng kĩ thuật phân loại. Dữ liệu truyền vào ô phân loại bao gồm tập hợp đối tượng . Mỗi đối tượng được đánh dấu đặc tính bằng những tuple(x,y) , trong đó x là tập các giá trị thuộc tính mô tả đối tượng và y là nhãn lớp của đối tượng đó . Tập thuộc tính x có thể chứa các thuộc tính thuộc bất kỳ loại nào, trong khi nhãn lớp y phải được phân loại.

Một mô hình phân loại là một biểu diễn trừu tượng về mối quan hệ giữa tập thuộc tính và nhãn lớp. Như sẽ thấy trong hai chương tiếp theo, mô hình có thể được biểu diễn theo nhiều cách, ví dụ như dưới dạng cây, bảng xác suất hoặc đơn giản là một vectơ của các tham số có giá trị thực. Chính thức hơn, chúng ta có thể biểu diễn nó một cách toán học như là một hàm mục tiêu f lấy đầu vào là tập thuộc tính x và tạo ra một đầu ra tương ứng với nhãn lớp dự đoán. Mô hình được cho là phân loại chính xác đối tượng (x, y) nếu f (x) = y.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần công việc** | **Tập thuộc tính** | **Nhãn lớp** |
| Lọc thư rác | Các tính năng được trích xuất từ thông điệp email  tiêu đề và nội dung | Spam or non-spam |
| Nhận dạng khối u | Các tính năng được trích xuất từ quét cộng hưởng từ (MRI) | ác tính hoặc lành tính |
| Phân loại thiên hà | Các tính năng được trích xuất từ hình ảnh kính viễn vọng | hình elip, xoắn ốc, hoặc  hình dạng không đều |

**Table 3.2** dữ liệu mẫu cho vấn đề phân loại động vật có xương sống

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên vật có xương sống** | **Nhiệt độ cơ thể** | **Bìa da** | **Sinh con** | **Sinh vật dưới nước** | **Sinh vật trên không** | **Có chân** | **Ngủ Đông** | **Nhãn lớp** |
| Con người  Trăn  Cá Hồi  Cá voi  Ếch  Rồng  Komodo  *Rồng*  Dơi  Chim bồ câu  Mèo  Báo  *Cá mập*  Rùa  Chim cánh cụt  Nhím  Lươn  Kỳ Nhông | Máu nóng  Máu Lạnh  Máu lạnh  Máu nóng  Máu lạnh  Máu lạnh  Máu  Nóng  Máu nóng  Máu nóng  Máu lạnh  -  Máu lạnh  Máu nóng  Máu nóng  Máu lạnh  Máu lạnh | Tóc  Vẫy  Vẫy  Tóc  x  Vẫy  -  Tóc  Lông chim  Lông Thú  Vẫy  -  Vẫy  Lông chim  Lông nhím  Vẫy  x | Có  Không  Không  Có  Không  Không  -  Không  Không  Có  Có  -  Không  Không  Có  Không  Không | Không  Không  Có  Có  Một nửa  Không  -  Không  Không  Không  Không  -  Một nửa  Một nửa  Không  Có  Một nửa | Không  Không  Không  Không  Không  Không  -  Có  Có  Không  Không  -  Không  Không  Không  Không  Không | Có  Không  Không  Không  Có  Có  -  Có  Có  Có  Có  -  Có  Có  Có  Không  Có | Không  Có  Không  Không  Có  Không  -  Có  Không  Không  Không  -  Không  Không  Có  Không  Có | Có vú  Bò sát  Cá  Có vú  Lưỡng cư  Bò sát  -  Có vú  Chim  Có vú  Có vú  -  Bò sát  Chim  Có vú  Cá  Lưỡng cư |

Bảng 3.1 cho thấy các ví dụ về các tập thuộc tính và nhãn lớp cho các nhiệm vụ phân loại khác nhau. Lọc thư rác và xác định khối u là ví dụ về các vấn đề phân loại nhị phân, trong đó mỗi trường hợp dữ liệu có thể được phân loại thành một trong hai lớp. Nếu số lượng lớp lớn hơn 2, như trong ví dụ phân loại thiên hà, thì nó được gọi là vấn đề phân loại đa lớp. Chúng tôi minh họa các khái niệm cơ bản của phân loại trong chương này với hai ví dụ sau.

Ví dụ 3.1. [Phân loại động vật có xương sống] Bảng 3.2 cho thấy một bộ dữ liệu mẫu để phân loại động vật có xương sống thành động vật có vú, bò sát, chim, cá và động vật lưỡng cư. Bộ thuộc tính bao gồm các đặc điểm của động vật có xương sống như nhiệt độ cơ thể, lớp da và khả năng bay. Tập dữ liệu cũng có thể được sử dụng cho một nhiệm vụ phân loại nhị phân, chẳng hạn như phân loại động vật có vú, bằng cách nhóm các loài bò sát, chim, cá và lưỡng cư vào một loại duy nhất gọi là nonmammals.

Ví dụ 3.2. [Phân loại khách hàng vay] Xem xét vấn đề của

dự đoán liệu một người vay tiền sẽ trả nợ hoặc mặc định cho các khoản thanh toán cho vay. Tập dữ liệu được sử dụng để xây dựng mô hình phân loại được hiển thị trong Bảng

3.3. Bộ thuộc tính bao gồm thông tin cá nhân của người vay như tình trạng hôn nhân và thu nhập hàng năm, trong khi nhãn lớp cho biết liệu người vay có mặc định về các khoản thanh toán cho vay hay không.

**Table 3.3**. dữ liệu mẫu cho vấn đề phân loại người vay

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** | **Defaulted?** |
| 1 | Có | Đơn thân | 125000 | Không |
| 2 | Không | Đã kết hôn | 100000 | Không |
| 3 | Không | Đơn thân | 70000 | Không |
| 4 | Có | Đã kết hôn | 120000 | Không |
| 5 | Không | Ly dị | 95000 | Có |
| 6 | Không | Đơn thân | 60000 | Không |
| 7 | Có | Ly dị | 220000 | Không |
| 8 | Không | Đơn thân | 85000 | Có |
| 9 | Không | Đã kết hôn | 75000 | Không |
| 10 | Không | Đơn thân | 90000 | Có |

Một mô hình phân loại phục vụ hai vai trò quan trọng trong khai thác dữ liệu. Đầu tiên, nó được sử dụng như một mô hình dự đoán để phân loại các trường hợp chưa được gắn nhãn trước đó. Một mô hình phân loại tốt phải cung cấp dự đoán chính xác với thời gian phản hồi nhanh. Thứ hai, nó phục vụ như một mô hình mô tả để xác định các đặc điểm phân biệt các thể hiện với các lớp khác nhau. Điều này đặc biệt hữu ích

đối với các ứng dụng quan trọng, chẳng hạn như chẩn đoán y tế, trong đó không đủ để có một mô hình đưa ra dự đoán mà không biện minh làm thế nào nó đạt được quyết định như vậy.

Ví dụ, một mô hình phân loại được tạo ra từ tập dữ liệu của động vật có xương sống trong Bảng 3.2 có thể được sử dụng để dự đoán nhãn lớp của động vật có xương sống sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên vật có xương sống** | **Nhiệt độ cơ thể** | **Da bọc** | **Sinh con** | **Sinh vật dưới nước** | **Sinh vật trên không** | **Có chân** | **Ngủ đông** | **Nhãn lơp** |
| Quái vật gila | Máu lạnh | Vẩy | Không | Không | Không | Có | Có | ? |

Ngoài ra, nó có thể được sử dụng như một mô hình mô tả để giúp xác định các đặc điểm xác định động vật có xương sống là động vật có vú, bò sát, chim, cá hoặc lưỡng cư. Ví dụ, mô hình có thể xác định động vật có vú là động vật có xương sống có máu ấm sinh ra con non. Có một số điểm đáng chú ý liên quan đến ví dụ trước. Đầu tiên, mặc dù tất cả các thuộc tính được hiển thị trong Bảng 3.2 là định tính, không có hạn chế nào về loại thuộc tính có thể được sử dụng làm biến dự báo. Mặt khác, nhãn lớp phải là loại danh nghĩa. Điều này phân biệt phân loại với các nhiệm vụ mô hình dự đoán khác như hồi quy, trong đó giá trị dự đoán thường là định lượng. Thông tin thêm về hồi quy có thể được tìm thấy trong Phụ lục D.

Một điểm đáng chú ý là không phải tất cả các thuộc tính đều có liên quan

đến nhiệm vụ phân loại. Ví dụ, chiều dài hoặc trọng lượng trung bình của động vật có xương sống có thể không hữu ích để phân loại động vật có vú, vì các thuộc tính này có thể hiển thị cùng một giá trị cho cả động vật có vú và không có vú. Một thuộc tính như vậy thường bị loại bỏ trong quá trình tiền xử lý. Các thuộc tính còn lại có thể không thể tự phân biệt các lớp và do đó, phải được sử dụng trong

hòa nhạc với các thuộc tính khác. Chẳng hạn, thuộc tính Nhiệt độ cơ thể không đủ để phân biệt động vật có vú với các động vật có xương sống khác. Khi nó được sử dụng cùng với Sinh ra, việc phân loại động vật có vú được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, khi bao gồm các thuộc tính bổ sung, chẳng hạn như Skin Cover,

mô hình trở nên quá cụ thể và không còn bao gồm tất cả các động vật có vú. Tìm ra sự kết hợp tối ưu của các thuộc tính phân biệt tốt nhất các thể hiện từ các lớp khác nhau là thách thức chính trong việc xây dựng các mô hình phân loại.

**3.2 Khung chung cho phân loại**

Phân loại là nhiệm vụ gán nhãn cho các trường hợp dữ liệu chưa được gắn nhãn và trình phân loại được sử dụng để thực hiện một tác vụ như vậy. Một bộ phân loại thường được mô tả theo các mô hình như được minh họa trong phần trước. Mô hình được tạo bằng cách sử dụng một tập hợp các thể hiện đã cho, được gọi là tập huấn luyện, chứa các giá trị thuộc tính cũng như nhãn lớp cho mỗi thể hiện. Cách tiếp cận có hệ thống để học một mô hình phân loại được cung cấp một tập huấn luyện được gọi là học tập

thuật toán. Quá trình sử dụng thuật toán học tập để xây dựng mô hình phân loại từ dữ liệu đào tạo được gọi là quy nạp. Quá trình này cũng thường được mô tả như là học tập mô hình của người Viking hoặc xây dựng mô hình. Quá trình áp dụng một mô hình phân loại trên các trường hợp thử nghiệm chưa thấy để dự đoán nhãn lớp của chúng được gọi là khấu trừ. Do đó, quá trình phân loại bao gồm hai bước: áp dụng thuật toán học tập để đào tạo dữ liệu để học mô hình và

sau đó áp dụng mô hình để gán nhãn cho các trường hợp không được gắn nhãn. Hình 3.3 minh họa khung chung để phân loại.

Một kỹ thuật phân loại đề cập đến một cách tiếp cận chung để phân loại, ví dụ, kỹ thuật cây quyết định mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong chương này. Kỹ thuật phân loại này giống như hầu hết các kỹ thuật khác, bao gồm một nhóm các mô hình liên quan và một số thuật toán để học các mô hình này. Trong Chương 4, chúng tôi sẽ nghiên cứu các kỹ thuật phân loại bổ sung, bao gồm các mạng thần kinh và các máy vectơ hỗ trợ.

Một vài lưu ý về thuật ngữ. Đầu tiên, các thuật ngữ phân loại và các mô hình khác, các mô hình phân loại trực tuyến, thường được coi là đồng nghĩa. Nếu một kỹ thuật phân loại xây dựng một mô hình toàn cầu duy nhất, thì điều này là tốt. Tuy nhiên, trong khi mọi mô hình định nghĩa một trình phân loại, không phải mọi phân loại đều được xác định bởi một mô hình duy nhất. Một số bộ phân loại, chẳng hạn như bộ phân loại lân cận knearest, không xây dựng mô hình rõ ràng (Mục 4.3), trong khi các bộ phân loại khác, chẳng hạn như bộ phân loại đồng bộ, kết hợp đầu ra của một bộ sưu tập mô hình (Mục 4.10). Thứ hai, thuật ngữ phân loại trực tuyến, thường được sử dụng theo nghĩa chung hơn để chỉ một kỹ thuật phân loại. Do đó, ví dụ, bộ phân loại cây quyết định, có thể tham khảo kỹ thuật phân loại cây quyết định hoặc một bộ phân loại cụ thể được xây dựng bằng kỹ thuật đó. May mắn thay, ý nghĩa của bộ phân loại trên YouTube thường rõ ràng từ ngữ cảnh.

Trong khung chung được chỉ ra trong Hình 3.3, các bước cảm ứng và khấu trừ phải được thực hiện riêng. Trong thực tế, như sẽ được thảo luận sau trong Phần 3.6, các bộ huấn luyện và kiểm tra phải độc lập với nhau để đảm bảo rằng mô hình cảm ứng có thể dự đoán chính xác các nhãn lớp của các trường hợp mà nó chưa từng gặp trước đây. Các mô hình cung cấp những hiểu biết dự đoán như vậy được cho là có hiệu suất khái quát tốt. Hiệu suất của một mô hình (phân loại) có thể được đánh giá bằng cách so sánh các nhãn dự đoán với các nhãn thực tế của các thể hiện. Thông tin này có thể được tóm tắt trong một bảng gọi là ma trận nhầm lẫn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Lớp dự đoán | |
|  |  | Lớp = 1 | Lớp = 0 |
| Lớp thực tế | Lớp = 1 | F11 | F10 |
| Lớp = 0 | F01 | F00 |

Bảng 3.4 mô tả ma trận nhầm lẫn cho một vấn đề phân loại nhị phân. Mỗi mục nhập fij biểu thị số lượng phiên bản từ lớp i được dự đoán là của lớp j. Ví dụ, f01 là số trường hợp từ lớp 0 được dự đoán không chính xác là lớp 1. Số lượng dự đoán đúng được thực hiện bởi mô hình là (f11 + f00) và số lượng dự đoán không chính xác là (f10 + f01). Mặc dù ma trận nhầm lẫn cung cấp thông tin cần thiết để xác định mô hình phân loại hoạt động tốt như thế nào, việc tóm tắt thông tin này thành một số giúp thuận tiện hơn khi so sánh hiệu suất tương đối của các mô hình khác nhau. Điều này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng một số liệu đánh giá, chẳng hạn như độ chính xác, được tính theo cách sau:

*Giá trị chính xác =*

Đối với các vấn đề phân loại nhị phân, độ chính xác của một mô hình được đưa ra bởi

*Giá trị chính xác =*

Tỷ lệ lỗi là một số liệu liên quan khác, được xác định như sau đối với các vấn đề phân loại nhị phân:

*Tỉ lệ Lỗi = =*

Các thuật toán học tập của hầu hết các kỹ thuật phân loại được thiết kế để học các mô hình đạt độ chính xác cao nhất hoặc tương đương, tỷ lệ lỗi thấp nhất khi áp dụng cho bộ kiểm tra. Chúng tôi sẽ xem xét lại chủ đề đánh giá mô hình trong Phần 3.6.